

Số: 42 /TTr-HĐQT

Hà nội, ngày 13 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH
(Về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2016

Căn cứ Điều 51 tại Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 08/4/2015, được bổ sung vào ngày 06/10/2015.

Để phù hợp với các quy định hiện hành và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty (nội dung bổ sung, sửa đổi cụ thể tại văn bản kèm theo tờ trình).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi gửi:

- Như kính gửi;
- Lưu Thư ký, VT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY
VĂN ĐIỀN
H. THANH TRÍ - T. PHÂN LÂN
Lâm Thái Dương



DƯ THẢO

NỘI DUNG BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẢY VẮN ĐIỀN

(Kèm theo Tờ trình số **42** /TTr-HĐQT ngày **13/4/2016** của Hội đồng quản trị)

STT	Nội dung trước khi bổ sung, sửa đổi	Nội dung bổ sung, sửa đổi	Lý do bổ sung, sửa đổi
1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1- Điểm a khoản 1:</p> <p>"Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.</p> <p>2- Điểm b khoản 1:</p> <p>"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.</p> <p>3- Điểm c khoản 1:</p> <p>"Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.</p> <p>4- Điểm đ khoản 1:</p> <p>"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5- Bổ sung thêm vào khoản 1:</p>	<p>"Vốn điều lệ" là <u>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán</u> và được quy định tại Điều 5 Điều lệ này.</p> <p>"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</u></p> <p>"Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</u></p> <p>"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp <u>và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</u></p> <p><u>"Người đại diện theo pháp luật của Công ty" là cá nhân được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Căn cứ khoản 29 Điều 4, khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 110 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.</p> <p>Căn cứ Điều 13 Luật Doanh nghiệp.</p>
2	<p>Thuật ngữ "Đăng ký kinh doanh" tại các nội dung trong Điều lệ.</p>	<p><u>Đăng ký doanh nghiệp.</u></p>	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 110 Luật Doanh nghiệp.</p>

3	<p>Phần II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.</p>	<p>Phần II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ <u>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.</u></p>	<p>Bổ sung thêm cho phù hợp nội dung của phần này.</p>
4	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Khoản 3: E-mail: contact@vafco.vn</p> <p>2. Khoản 4: Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>vandienfmp@gmail.com</p> <p>Tổng giám đốc điều hành là <u>người</u> đại diện theo pháp luật của Công ty. <u>Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Để phù hợp với email Công ty đang sử dụng. Căn cứ các Điều 13, Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</p>
5	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>Khoản 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty</p>	<p><u>Nghành, nghề</u> và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Căn cứ khoản 1, 2 Điều 7 Luật doanh nghiệp</p>
6	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Khoản 1: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Khoản 2: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>Công ty <u>được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm</u> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Căn cứ các Điều 27, 32 Luật Doanh nghiệp. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp.</p>

7	<p>Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần</p> <p>Khoản 2:</p> <p>Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>Căn cứ các khoản 3 Điều 110, khoản 5 Điều 111 và các quy định khác trong Luật Doanh nghiệp.</p>
8	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1- Khoản 2:</p> <p>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2- Khoản 4:</p> <p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của <u>người</u> đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định <u>khoản 1 Điều 120</u> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị <u>mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác</u> thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Căn cứ khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p>
9	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký <u>mẫu</u> của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của <u>người</u> đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Căn cứ theo chứng nhận cổ phiếu</p>

10	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Khoản 1:</p> <p>Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <u>Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán</u> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <u>Cổ phiếu</u> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 126 Luật Doanh nghiệp và thực tế của Công ty (hiện đang niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh).</p>
11	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1- Khoản 1:</p> <p>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2- Khoản 4:</p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn <u>với số cổ phần đã đăng ký mua</u>, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>Cổ phần bị thu hồi <u>được coi là các cổ phần chưa bán được theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Căn cứ các Điều 111 và 112 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp.</p>
11	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1- Khoản 2: Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>1.1- Điểm a khoản 2:</p> <p>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. -</p>	<p>1- Khoản 2: <u>Cổ đông phổ thông</u> có các quyền sau:</p> <p>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa <u>hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định</u>.</p>	<p>Căn cứ khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p>

<p>1.2- Điểm c khoản 2:</p> <p>Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>1.3- Điểm d khoản 2:</p> <p>Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.</p> <p>1.4- Điểm đ khoản 2:</p> <p>Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.</p> <p>1.5- Điểm g khoản 2:</p> <p>Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>2.1- Điểm b khoản 3:</p> <p>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Tự do chuyển nhượng cổ phần <u><i>của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 Luật Doanh nghiệp.</i></u></p> <p>Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với <u><i>tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.</i></u></p> <p>Xem xét, tra cứu và trích lục <u><i>các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết</i></u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.</p> <p>Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u><i>tỷ lệ sở hữu cổ phần</i></u> tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông <u><i>sở hữu</i></u> loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u><i>sở hữu</i></u> từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều <u><i>114</i></u> và Điều <u><i>136</i></u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 3 Điều 114 và khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>
--	---	---

	<p>2.2- Điểm đ khoản 3: Các quyền khác quy định tại Điều lệ này</p> <p>2.2- Bổ sung thêm:</p>	<p>Các quyền khác quy định tại Điều lệ này <u>và pháp luật.</u></p> <p><u>Xem xét và trích lục biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và báo cáo tài chính năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</u></p>	<p>Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p>
12	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1- Khoản 2: Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2- Khoản 4: Cung cấp địa chỉ chính xác khi mua cổ phần.</p> <p>3- Khoản 5: Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa <u>hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định.</u> Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Cung cấp địa chỉ chính xác khi <u>đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</u></p> <p>Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của <u>Điều lệ Công ty</u> và pháp luật.</p>	<p>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 4 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p>
13	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1- Điểm c khoản 3: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.</p>	<p>Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>

<p>2- Điểm e khoản 3:</p> <p>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>3- Điểm a khoản 4:</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 13.</p> <p>4- Điểm b khoản 4:</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5- Điểm c khoản 4:</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều <u>160</u> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 13.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>khoản 6 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 4 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>
--	---	--

Long

<p>14</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1- Khoản 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. <p>2- Điểm l khoản 2:</p> <p>Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty</p> <p>3- Điểm m khoản 2:</p> <p>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua, quyết định đầu tư có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p><u>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty;</u></p> <p><u>b. Báo cáo tài chính năm;</u></p> <p><u>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u></p> <p><u>đ. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</u></p> <p><u>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></p> <p><u>Xem xét</u> và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông</p> <p>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua, quyết định đầu tư có giá trị từ <u>35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.</p>
-----------	---	---	---

	<p>4- Điểm 0 khoản 2: Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>5- Điểm p khoản 2: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p><i>Bỏ</i></p> <p>Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 <u>Điều 162</u> Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty (hiện là 67,06%).</p> <p>Căn cứ Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</p>
15	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1- Điểm a khoản 2: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.</p> <p>2- Khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang</p>	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>Thông báo được đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u></p>	<p>Căn cứ khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p>

	<p>tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>3- Bổ sung thêm khoản 4:</p> <p>4- Bổ sung thêm khoản 5:</p> <p>5- Bổ sung thêm khoản 6:</p>	<p><u>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên hệ của cổ đông; đồng thời đăng trên phương tiện điện tử của Công ty và đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương.</u></p> <p><u>Thông báo mời họp phải được gửi kèm các tài liệu sau đây:</u></p> <p><u>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p> <p><u>b) Phiếu biểu quyết.</u></p> <p><u>c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</u></p> <p><u>Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu theo phương thức bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản từ phía cổ đông.</u></p>	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 4 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p>
16	<p>Điều 18. Các điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Khoản 1:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Khoản 2:</p> <p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn</p>	<p>Căn cứ khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp.</p>

	<p>định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>33%</u> tổng số phiếu biểu quyết.</p>	
17	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 4:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì <u>Trường Ban kiểm soát điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất <u>làm</u> chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</p>

<p>18</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh, đầu tư có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>1. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p><u>a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u></p> <p><u>b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p><u>- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty:</u></p> <p><u>- Định hướng phát triển Công ty;</u></p> <p><u>- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>- Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh, dự án đầu tư có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u></p> <p><u>- Thông qua Báo cáo tài chính năm;</u></p> <p><u>- Tổ chức lại, giải thể Công ty.</u></p> <p><u>2. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:</u></p> <p><u>a. Trừ trường hợp quy định tại điểm khoản b khoản 2 Điều này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:</u></p> <p><u>- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p>	<p>Căn cứ điều 143 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>
-----------	--	---	---

Cung

của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Các quyết định khác theo nguyên tắc đa số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh; dự án đầu tư có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b. Các quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

d. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Căn cứ khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ khoản 4 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

19	<p>Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1- Bổ sung thêm khoản 2:</p> <p>2- Khoản 2:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3-Khoản 8:</p> <p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và</u> có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</u></p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. <u>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết định và gửi cho các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu, cách thức lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Căn cứ thông tư 121 ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính.</p> <p>Căn cứ Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Tỷ lệ thông qua đã được nêu tại điểm d khoản 2 Điều 20 của Điều lệ.</p>
20	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cụm từ “Biên bản”</p>	<p>Điều 22. Biên bản và <u>Nghị quyết</u> họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cụm từ “Biên bản và <u>Nghị quyết</u>”</p>	<p>Theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</p>
21	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ sung khoản 3:</p>	<p><u>Trường hợp cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 1,2 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài</u></p>	<p>Căn-cứ khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>

		<u><i>có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</i></u>	
22	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1- Khoản 1:</p> <p>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2- Điểm c khoản 4:</p> <p>Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh).</p>	<p><u><i>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i></u></p> <p>Trong phạm vi quy định tại <u><i>khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</i></u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh).</p>	<p>Căn cứ khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 149 và khoản 1, 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</p>
23	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1- Khoản 1:</p> <p>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.</p> <p>2- Khoản 4: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u><i>không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.</i></u></p> <p><u><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.</i></u> Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và thực tế của Công ty.</p> <p>Căn cứ khoản 6 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</p>

24	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1- Khoản 4:</p> <p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2- Khoản 8:</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <u>bảy (07)</u> ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>bảy (07)</u> ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Căn cứ khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.</p>
25	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, chức vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p> <p>Khoản 2:</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là <u>ba (03)</u> năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p>Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư 121 của Bộ tài chính.</p>
26	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không</p>	<p><u>1- Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên do</u></p>	<p>Căn cứ các Điều 163, 164 Luật Doanh nghiệp.</p>

phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không

Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2- Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.

3- Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

4- Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

5- Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- d. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- e. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

7. Trường hợp số lương các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lương cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của

		<p><u>Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống:</u></p> <p><u>e. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
27	<p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1- Khoản 1:</p> <p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:...</p> <p>2- Điểm d khoản 1:</p> <p>Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.</p> <p>3- Khoản 2:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	<p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền và <u>nghĩa vụ</u> theo quy định tại Điều <u>165</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và <u>nghĩa vụ</u> sau đây:...</p> <p>Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý <u>và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty.</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các bản sao <u>nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Căn cứ Điều 165 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 3 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ Điều 166 Luật Doanh nghiệp.</p>

Điều 39 và Điều 40. Cổ tức và các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận .

Điều 39. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Góp 02 Điều lai thành 01 Điều: Điều 39

Điều 39. Phân phối lợi nhuận sau thuế, trả cổ tức, sử dụng các Quỹ:

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty, trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở Phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Phúc lợi tối đa không quá 8% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm của Công ty;

- Việc trích lập và sử dụng Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành và các Quỹ khác theo quy định của Pháp luật và phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư, phát triển của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.


4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty và quy định hiện hành.

Giữ nguyên không thay đổi

	<p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p><i>Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</i></p> <p><i>Việc trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định trên cơ sở phương án phân chia lợi nhuận do Hội đồng quản trị đề xuất.</i></p> <p><i>- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty;</i></p> <p><i>- Việc trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định trên cơ sở phương án phân chia lợi nhuận do Hội đồng quản trị đề xuất</i></p>	<p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	
29	<p>Điều 47. Con dấu.</p> <p>1 Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p>	<p><u>1. Công ty có chính thức 01 con dấu. Nội dung con dấu thể hiện: Tên Công ty, mã số Công ty, địa chỉ trụ sở đăng ký của Công ty.</u></p>	<p>Căn cứ Điều 44 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Nghị định 96 của Chính phủ.</p>

	<p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p><u>2. Trước khi sử dụng con dấu, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu đối với cơ quan có thẩm quyền và công khai mẫu dấu theo quy định của Pháp luật.</u></p> <p><u>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cá nhân có thẩm quyền liên quan sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Hội đồng quản trị Công ty và Pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>Căn cứ Điều 44 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Nghị định 96 của Chính phủ.</p>
--	--	---	--

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH *ly*

[Signature]
 Lâm Thái Dương